

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
KHOA: QTKD

DANH SÁCH GHI ĐIỂM THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021-2022

Môn: **Quản trị hành chính văn phòng; Lớp: CCQ2012EF**

Nhóm: **03**

CBGD: **Hà Minh Phước**

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	QT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
226025	1	2120120141	Dương Trường	An	CCQ2012E	7.3	5.0	5.9	
226025	2	2120120679	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	CCQ2012L	6.9	5.5	6.1	NGHI
226025	3	2120120142	Nguyễn Thị Vân	Anh	CCQ2012E	8.0	6.5	7.1	
226025	4	2120120385	Lê Thị Ngọc	Ánh	CCQ2012L	7.0	5.5	6.1	
226025	5	2120120644	Lê Thị Kim	Chi	CCQ2012E	7.1	7.0	7.1	
226025	6	2120120245	Nguyễn Thị Kim	Cương	CCQ2012H	6.9	5.5	6.1	
226025	7	2120120179	Nguyễn Thị Thùy	Dung	CCQ2012F	7.4	6.5	6.9	
226025	8	2120120144	Phan Thị Hồng	Dung	CCQ2012E	8.0	7.0	7.4	
226025	9	2120120681	Vũ Thị Bích	Đào	CCQ2012L	7.0	7.0	7.0	
226025	10	2120120392	Trần Thục	Đoan	CCQ2012L	7.3	4.5	5.6	
226025	11	2120120394	Lê Thị Hương	Giang	CCQ2012L	6.6	5.5	6.0	
226025	12	2120120184	Cao	Hải	CCQ2012F				V
226025	13	2120120148	Đoàn Lê Tuấn	Hải	CCQ2012E	7.8	5.5	6.4	
226025	14	2120120319	Lê Văn	Hải	CCQ2012J	6.8	6.0	6.3	
226025	15	2120120590	Nguyễn Thị	Hạnh	CCQ2012Q	7.4	6.0	6.6	
226025	16	2120120684	Lê Nguyễn Thu	Hằng	CCQ2012L	7.1	5.0	5.9	
226025	17	2120120249	Lê Thúy	Hằng	CCQ2012H	7.0	6.0	6.4	
226025	18	2120120149	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	CCQ2012E	7.4	7.0	7.2	
226025	19	2120120360	Lê Thị Ngọc	Hiền	CCQ2012K	7.5	6.5	6.9	
226025	20	2120120652	Nguyễn Thanh	Hòa	CCQ2012F	7.0	4.5	5.5	
226025	21	2118120557	Phạm Thị Minh	Hòa	CCQ1812G	6.5	6.5	6.5	
226025	22	2120120397	Lê Thị Thu	Hoài	CCQ2012L	7.1	6.5	6.8	
226025	23	2120120398	Trần Việt	Hoàng	CCQ2012L	6.6	4.5	5.4	
226025	24	2120120400	Nguyễn Thị Minh	Hội	CCQ2012L	6.9	3.5	4.9	
226025	25	2120120185	Dương Tiểu	Hồng	CCQ2012F	7.0	4.5	5.5	
226025	26	2120120287	Lê Thị Kim	Hồng	CCQ2012I	7.3	5.0	5.9	
226025	27	2120120153	Nguyễn Thị	Huệ	CCQ2012E	7.9	5.5	6.5	
226025	28	2120120156	Vũ Thị Như	Huyền	CCQ2012E	7.6	7.5	7.6	
226025	29	2120120403	Đinh Bảo	Kha	CCQ2012L	7.3	5.0	5.9	
226025	30	2120120157	Nguyễn Duy	Kha	CCQ2012E	7.1	6.0	6.5	
226025	31	2120120186	Đỗ Quỳnh Mai	Khôi	CCQ2012F	6.5	3.0	4.4	
226025	32	2120120187	Nguyễn Thị Thu	Kiều	CCQ2012F	6.9	4.5	5.5	
226025	33	2120120188	Đào Thị	Lanh	CCQ2012F	7.3	7.0	7.1	

226025	34	2120120160	Hoàng Thị Hồng	Liên	CCQ2012E	6.9	6.0	6.4	
226025	35	2119120496	Phạm Thị Ngọc	Liên	CCQ1912N	7.0	7.0	7.0	
226025	36	2120120404	Cao Thị Hồng	Linh	CCQ2012L	7.5	7.0	7.2	
226025	37	2120120189	Lê Thị Mỹ	Linh	CCQ2012F	6.3	3.5	4.6	
226025	38	2120120257	Lê Thị Mỹ	Linh	CCQ2012H	7.4	5.0	6.0	
226025	39	2120120161	Trương Khánh	Linh	CCQ2012E	7.1	4.5	5.6	
226025	40	2117120374	Nguyễn Thị Yên	Ly	CCQ1712F	6.6	2.5	4.2	
226025	41	2120120259	Phạm Thị Mỹ	Na	CCQ2012H	7.5	5.5	6.3	
226025	42	2120120164	Lê Thị Bích	Ngân	CCQ2012E	8.0	6.5	7.1	
226025	43	2120120408	Hoàng Thị Yên	Nhi	CCQ2012L	7.1	6.0	6.5	
226025	44	2120120055	Huỳnh Bé	Nhi	CCQ2012B	7.5	6.5	6.9	
226025	45	2118240392	Lê Nguyễn Bảo	Nhi	CCQ1824F	6.8	5.0	5.7	
226025	46	2120120532	Hồ Thị Hồng	Nhung	CCQ2012P	7.4	8.0	7.8	
226025	47	2120120167	Phạm Nguyễn Chí	Phúc	CCQ2012E	6.8	4.5	5.4	
226025	48	2120120229	Lê Thị	Quanh	CCQ2012G				v
226025	49	2120120654	Trần Văn	Quý	CCQ2012F	7.6	5.5	6.4	
226025	50	2120120568	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	CCQ2012F	7.5	6.5	6.9	
226025	51	2120120197	Trần Như	Quỳnh	CCQ2012F	7.1	5.5	6.2	
226025	52	2120120410	Nguyễn Hồ Phương	Thảo	CCQ2012L	7.5	6.5	6.9	
226025	53	2120120412	Nguyễn Đình	Thi	CCQ2012L	7.1	5.0	5.9	
226025	54	2120120169	Trương Huỳnh	Thiên	CCQ2012E	7.3	6.0	6.5	
226025	55	2120120586	Nguyễn Thành	Thủ	CCQ2012P				v
226025	56	2120120413	Lê Văn	Thuận	CCQ2012L	5.5	5.0	5.2	
226025	57	2120120234	Mai Thị Thanh	Thuận	CCQ2012G	7.6	4.5	5.8	
226025	58	2120120171	Lê Thị	Thùy	CCQ2012E	7.0	5.5	6.1	
226025	59	2120120172	Phan Thị	Thúy	CCQ2012E	6.6	7.0	6.9	
226025	60	2120120655	Lê Thị Minh	Thư	CCQ2012F	7.5	5.5	6.3	
226025	61	2120120273	Trương Thị Thủy	Tiên	CCQ2012H	7.6	6.5	7.0	
226025	62	2120120541	Hòa Thị Huyền	Trang	CCQ2012P	7.4	7.5	7.5	
226025	63	2120100360	Trần Thị Thùy	Trang	CCQ2012Q	7.0	7.0	7.0	
226025	64	2120120241	Trần Thanh	Tú	CCQ2012G	7.5	7.5	7.5	
226025	65	2120120207	Trần Thị Ngọc	Tú	CCQ2012F	7.1	6.0	6.5	
226025	66	2119120577	Hà Thanh	Tuấn	CCQ1912P	6.6	4.5	5.4	
226025	67	2120120380	Trần Thị Thanh	Tuyền	CCQ2012K	7.8	6.5	7.0	
226025	68	2120120243	Lương Huyền	Vi	CCQ2012G	7.5	5.0	6.0	
226025	69	2120120035	Đặng Thị Tường	Vy	CCQ2012A	7.4	5.0	6.0	
226025	70	2120120383	Lê Thị Tố	Yên	CCQ2012K	7.5	7.0	7.2	

Môn: **Quản trị thương hiệu; Lớp: CCQ2027AB**

Nhóm: **01**

CBGD: **Hà Minh Phước**

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	QT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
226034	1	2120120633	Lã Đức	Anh	CCQ2012C	6.8	4.5	5.4	
226034	2	2120120001	Lê Thị Hoàng	Anh	CCQ2012A	7.5	4.0	5.4	

226034	3	2120120385	Lê Thị Ngọc	Ánh	CCQ2012L	6.6	5.0	5.7	
226034	4	2120120071	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	CCQ2012C	7.0	8.0	7.6	
226034	5	2120270037	Hà Thúy	Dân	CCQ2027B	8.0	8.0	8.0	
226034	6	2120270143	Hồ Phương Thúy	Diễm	CCQ2012Q	7.3	2.5	4.4	
226034	7	2119120482	Nguyễn Ngọc	Duy	CCQ1912N	6.5	4.5	5.3	
226034	8	2120120282	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	CCQ2012I	7.1	6.5	6.8	
226034	9	2120270003	Phan Thị Hồng	Duyên	CCQ2027A	7.8	8.5	8.2	
226034	10	2120240097	Vũ Thị Ngọc	Giang	CCQ2012R	7.3	7.0	7.1	
226034	11	2120260006	Nguyễn Thị Bích	Hà	CCQ2026A	6.8	2.5	4.2	
226034	12	2120120590	Nguyễn Thị	Hạnh	CCQ2012Q	8.1	1.5	4.2	
226034	13	2120120042	Nguyễn Thị	Hằng	CCQ2012B	7.6	4.5	5.8	
226034	14	2120120614	Nguyễn Thị Thu	Hằng	CCQ2012R	8.0	6.5	7.1	
226034	15	2120120321	Võ Thị	Hân	CCQ2012J	7.6	7.5	7.6	
226034	16	2120120250	Nguyễn Thị Thu	Hiền	CCQ2012H	7.0	4.5	5.5	
226034	17	2120260009	Nguyễn Thị Thu	Hiền	CCQ2026A	7.3	4.5	5.6	
226034	18	2120120592	Trần Trung	Hiếu	CCQ2012Q	7.9	7.5	7.7	
226034	19	2118120475	Nguyễn Huỳnh Nhật	Hòa	CCQ1812F	6.6	2.5	4.2	
226034	20	2118120557	Phạm Thị Minh	Hòa	CCQ1812G				v
226034	21	2120120286	Bùi Duy	Hoàng	CCQ2012I	7.8	5.0	6.1	
226034	22	2120120251	Nguyễn Việt	Hoàng	CCQ2012H	6.8	4.0	5.1	
226034	23	2120120323	Hoàng Thị Thu	Hồng	CCQ2012J	7.8	5.0	6.1	
226034	24	2119270042	Phan Võ Yến	Hồng	CCQ1927B	7.1	5.0	5.9	
226034	25	2120260079	Mai Nguyễn Minh	Hộp	CCQ2026C	7.6	5.0	6.1	
226034	26	2120260081	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	CCQ2026C	7.1	5.0	5.9	
226034	27	2120120252	Nguyễn Nho	Hùng	CCQ2012H	7.6	4.0	5.5	
226034	28	2120120079	Lâm Lê Quang	Huy	CCQ2012C	7.5	8.0	7.8	
226034	29	2120120214	Nguyễn Hữu	Huy	CCQ2012G	7.6	4.0	5.5	
226034	30	2120120716	Phạm Lê Anh	Khoa	CCQ2012Q	7.0	4.0	5.2	
226034	31	2120120594	Huỳnh Thị Thúy	Lài	CCQ2012Q	7.3	8.5	8.0	
226034	32	2120120593	Vũ Thị Hương	Lan	CCQ2012Q	7.6	4.5	5.8	
226034	33	2120120120	Hồ Ngọc	Lâm	CCQ2012D	6.9	6.0	6.4	
226034	34	2120120638	Huỳnh Thị Kim	Liên	CCQ2012D	7.6	8.5	8.2	
226034	35	2120260083	Đặng Thị Kim	Linh	CCQ2026C	7.6	5.0	6.1	
226034	36	2120190009	Lê Hoài	Linh	CCQ2012Q	7.3	7.0	7.1	
226034	37	2120120051	Ma Ly	Na	CCQ2012B	7.5	6.0	6.6	
226034	38	2118270301	Nguyễn Nhật Song	Nga	CCQ1827D				v
226034	39	2120120125	Nguyễn Thị Trúc	Ngân	CCQ2012D	6.9	5.5	6.1	
226034	40	2120260019	Trần Thị Yến	Nguyên	CCQ2026A	7.3	5.5	6.2	
226034	41	2120260088	Trương Thị Thanh	Nhã	CCQ2026C	7.8	5.0	6.1	
226034	42	2120120055	Huỳnh Bé	Nhi	CCQ2012B	7.8	7.5	7.6	
226034	43	2120120621	Phạm Thị Ngọc	Như	CCQ2012R	7.1	7.5	7.4	
226034	44	2120120628	Phan Thị Tuyết	Như	CCQ2012A	7.3	8.5	8.0	

226034	45	2120120334	Cao Thị Kim	Oanh	CCQ2012J	7.6	6.0	6.7	
226034	46	2120270019	Nguyễn Thị Gia	Phú	CCQ2027A	8.0	5.0	6.2	
226034	47	2120120597	Võ Thị Mỹ	Phụng	CCQ2012Q	7.3	5.5	6.2	
226034	48	2120120622	Nguyễn Thị Thu	Phuong	CCQ2012R	7.3	8.5	8.0	
226034	49	2120260127	Khuất Thị	Phượng	CCQ2012Q	6.8	6.5	6.6	
226034	50	2120120088	Trần Bảo	Quốc	CCQ2012C	7.5	7.5	7.5	
226034	51	2120120089	Lê Tuấn	Son	CCQ2012C	7.5	8.0	7.8	
226034	52	2120120600	Nguyễn Tuấn	Tài	CCQ2012Q	7.0	5.0	5.8	
226034	53	2120270024	Huỳnh Thị Minh	Tâm	CCQ2027A	8.0	7.0	7.4	
226034	54	2120120724	Trần Kim	Thanh	CCQ2012R	7.0	7.5	7.3	
226034	55	2120120719	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	CCQ2012Q	7.3	8.0	7.7	
226034	56	2120170483	Trần Văn	Thảo	CCQ2012Q	7.8	8.5	8.2	
226034	57	2120170454	Nguyễn Ngọc	Thắng	CCQ2012Q	7.8	7.5	7.6	
226034	58	2120120721	Phạm Quốc	Thịnh	CCQ2012Q	7.3	5.0	5.9	
226034	59	2120170098	Nguyễn Hồng	Thu	CCQ2012R	7.6	8.0	7.9	
226034	60	2120120723	Đỗ Cao	Toàn	CCQ2012Q	7.8	7.5	7.6	
226034	61	2120260100	Hồ Thị Thùy	Trang	CCQ2026C	7.6	5.0	6.1	
226034	62	2120120604	Trần Mỹ	Trang	CCQ2012Q	8.0	6.0	6.8	
226034	63	2120260101	Nguyễn Hữu	Trạng	CCQ2026C	7.6	5.5	6.4	
226034	64	2120240116	Lê Thị Ngọc	Trâm	CCQ2012R	7.0	5.0	5.8	
226034	65	2120270067	Nguyễn Thị Bích	Trâm	CCQ2027B	7.6	7.5	7.6	
226034	66	2120100341	Trương Thị Cẩm	Tú	CCQ2012I	7.8	6.5	7.0	
226034	67	2120120606	Nguyễn Đỗ Anh	Tuấn	CCQ2012Q	7.0	7.0	7.0	
226034	68	2120270069	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	CCQ2027B	7.4	6.5	6.9	
226034	69	2120240056	Nguyễn Minh	Tuyền	CCQ2012R	7.3	6.5	6.8	
226034	70	2120120625	Lương Ánh	Vân	CCQ2012R	6.3	4.5	5.2	
226034	71	2120120070	Nguyễn Thị Triệu	Vi	CCQ2012B	7.1	6.5	6.8	
226034	72	2120120102	Phạm Nguyễn Hồng	Vi	CCQ2012C	7.5	2.5	4.5	
226034	73	2120120035	Đặng Thị Tường	Vy	CCQ2012A	7.6	5.5	6.4	
226034	74	2120270034	Nguyễn Triệu	Vỹ	CCQ2027A	7.3	5.0	5.9	
226034	75	2120120383	Lê Thị Tố	Yên	CCQ2012K	7.3	6.5	6.8	

Môn: **Khởi tạo doanh nghiệp; Lớp: CCQ2112GH**

CBGD: **Hà Minh Phước**

Nhóm: **05**

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	QT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
226184	1	2121200013	Trần Thị Kim	Anh	CCQ2120A	7.6	6.0	6.7	
226184	2	2121120261	Hoàng Thị	Bắc	CCQ2112H	6.4	8.0	7.4	
226184	3	2121200018	Lê Thị Như	Bình	CCQ2120A	7.6	7.5	7.6	
226184	4	2121120178	Nguyễn Trường	Chân	CCQ2112F	5.5	4.5	4.9	
226184	5	2121120253	Phan Thị Kim	Đài	CCQ2112H	6.5	6.0	6.2	
226184	6	2121120262	Huỳnh Trung	Đức	CCQ2112H	5.6	6.0	5.9	
226184	7	2121200159	Ngô Thị Cẩm	Giang	CCQ2120E	7.0	8.5	7.9	
226184	8	2121120280	Nguyễn Thị Bích	Hà	CCQ2112H	7.3	7.5	7.4	

226184	9	2121200019	Vũ Thị Xuân	Hạnh	CCQ2120A	6.9	5.5	6.1	
226184	10	2121120211	Nguyễn Thị Thu	Hào	CCQ2112G	7.4	6.5	6.9	
226184	11	2121200066	Nguyễn Thị	Hiên	CCQ2120B	7.6	7.0	7.3	
226184	12	2121200168	Phạm Thị Kim	Hoàng	CCQ2120E	7.8	8.0	7.9	
226184	13	2121120257	Nguyễn Thị Nguyệt	Huế	CCQ2112H	6.6	7.5	7.2	
226184	14	2121120126	Võ Nguyễn Thu	Huyền	CCQ2112D	6.9	6.0	6.4	
226184	15	2121120238	Võ Thị Ngọc	Huyền	CCQ2112G	7.0	6.5	6.7	
226184	16	2120110083	Hoàng Văn	Huỳnh	CCQ2012R	6.1	4.0	4.9	
226184	17	2121120274	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	CCQ2112H	7.4	9.0	8.4	
226184	18	2121120246	Nguyễn Ngọc	Khá	CCQ2112H	7.4	7.0	7.2	
226184	19	2121120271	Nguyễn Ngọc	Khôi	CCQ2112H	6.8	7.5	7.2	
226184	20	2121120256	Võ Văn Tuấn	Kiệt	CCQ2112H	6.8	7.0	6.9	
226184	21	2120200149	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	CCQ2020E	7.8	7.5	7.6	
226184	22	2121120249	Phạm Thị Mai	Liên	CCQ2112H	6.4	4.5	5.3	
226184	23	2121120218	Nguyễn Hoài	Linh	CCQ2112G	7.0	3.0	4.6	
226184	24	2121120212	Võ Ái Phương	Linh	CCQ2112G	7.1	4.5	5.6	
226184	25	2121120239	Nguyễn Tấn	Lộc	CCQ2112G	6.4	5.0	5.6	
226184	26	2121120264	Nguyễn Văn	Lợi	CCQ2112H	5.4	5.5	5.5	
226184	27	2121120236	Nguyễn Thị	Lượng	CCQ2112G	5.9	4.0	4.8	
226184	28	2121120258	Phùng Thị Thanh	Mai	CCQ2112H				v
226184	29	2121120223	Nguyễn Tiến	Nam	CCQ2112G	6.6	5.0	5.7	
226184	30	2121120220	Trương Thị Thu	Ngà	CCQ2112G	6.6	4.0	5.1	
226184	31	2121120217	Lê Thị Thảo	Ngân	CCQ2112G	7.5	4.5	5.7	
226184	32	2121120140	Đỗ Lan Bảo	Ngọc	CCQ2112D	7.5	4.5	5.7	
226184	33	2121120227	Ngô Thị	Nguyên	CCQ2112G	7.4	6.0	6.6	
226184	34	2121120242	Trần Thị Mỹ	Nguyên	CCQ2112G	6.6	4.5	5.4	
226184	35	2121120231	Trần Văn	Nhã	CCQ2112G	5.5	4.0	4.6	
226184	36	2119260023	Đặng Duy	Nhất	CCQ1926A	6.1	5.0	5.5	
226184	37	2121120259	Hoàng Lê Thống	Nhất	CCQ2112H	6.3	5.0	5.5	
226184	38	2121120216	Trần Thị Yến	Nhi	CCQ2112G	7.3	5.5	6.2	
226184	39	2121120255	Nguyễn Ngọc Trâm	Như	CCQ2112H	2.5	4.0	3.4	
226184	40	2121200032	Huỳnh Thị Mi	Ny	CCQ2120A				v
226184	41	2121200060	Trương Minh	Phú	CCQ2120B	7.6	6.5	7.0	
226184	42	2121120219	Ngô Phạm Thanh	Phương	CCQ2112G	7.3	5.5	6.2	
226184	43	2120260126	Nguyễn Thị Kim	Phương	CCQ2026D	7.1	6.0	6.5	
226184	44	2121120279	Vòng Minh	Phương	CCQ2112H	7.1	4.5	5.6	
226184	45	2121270123	Lê Phú	Quý	CCQ2127D	6.1	6.5	6.4	
226184	46	2121120245	Hứa Ngọc Tú	Quyên	CCQ2112G	6.9	3.5	4.9	
226184	47	2121120215	Châu Kim Quế	Quỳnh	CCQ2112G	6.8	7.5	7.2	
226184	48	2121120644	Nguyễn Thanh	Sang	CCQ2112H	6.1	5.5	5.8	
226184	49	2121260070	Lê Thị Mỹ	Tâm	CCQ2126B	6.3	5.5	5.8	
226184	50	2121120276	Nguyễn Thị	Tâm	CCQ2112H	7.4	5.0	6.0	

226184	51	2121200057	Võ Văn	Thà	CCQ2120B	7.6	6.5	7.0	
226184	52	2121120248	Đinh Thị Phương	Thảo	CCQ2112H	7.3	4.5	5.6	
226184	53	2121120225	Nguyễn Thị	Thắm	CCQ2112G	7.8	7.0	7.3	
226184	54	2121120252	Nguyễn Thành	Thắng	CCQ2112H	6.4	5.0	5.6	
226184	55	2121120235	Phạm Quốc	Thiện	CCQ2112G	5.5	4.0	4.6	
226184	56	2121120233	Trương Thị Mỹ	Thoa	CCQ2112G	7.0	5.0	5.8	
226184	57	2121120224	Bùi Thị Mỹ	Thuận	CCQ2112G	6.9	6.5	6.7	
226184	58	2121120241	Lê Nguyễn Anh	Thư	CCQ2112G	7.1	6.5	6.8	
226184	59	2121120270	Nguyễn Ý	Thương	CCQ2112H	6.9	3.0	4.6	
226184	60	2121120325	Quách Thị Hạnh	Tiên	CCQ2112J	6.8	3.5	4.8	
226184	61	2120120722	Trương Duy	Tính	CCQ2012Q	5.3	4.5	4.8	
226184	62	2121120237	Nguyễn Ngọc Uyên	Trang	CCQ2112G	7.4	7.5	7.5	
226184	63	2121120232	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	CCQ2112G	7.0	6.0	6.4	
226184	64	2121120221	Phạm Mai Phương	Trâm	CCQ2112G	6.8	7.5	7.2	
226184	65	2121120250	Lê Ngọc Bảo	Trân	CCQ2112H	7.1	5.0	5.9	
226184	66	2121120247	Nguyễn Ngọc Quế	Trân	CCQ2112H	7.3	4.5	5.6	
226184	67	2121120267	Nguyễn Phương	Trình	CCQ2112H	6.8	4.5	5.4	
226184	68	2121120228	Nguyễn Thanh	Trúc	CCQ2112G				v
226184	69	2121120151	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	CCQ2112E	6.3	4.5	5.2	
226184	70	2121120121	Nguyễn Thanh	Tuấn	CCQ2112D	6.4	5.5	5.9	
226184	71	2121120226	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	CCQ2112G	7.1	6.0	6.5	
226184	72	2121120254	Nguyễn Quốc	Uy	CCQ2112H	7.3	4.0	5.3	
226184	73	2121120278	Nguyễn Thành	Vinh	CCQ2112H	7.1	7.5	7.4	
226184	74	2121120275	Huỳnh Trần Lê	Vy	CCQ2112H	5.9	6.0	6.0	
226184	75	2121120251	Nguyễn Song Hoài	Vỹ	CCQ2112H	5.5	6.0	5.8	
226184	76	2121200149	Đỗ Thị Kim	Xuyến	CCQ2120E	7.8	8.0	7.9	
226184	77	2121120266	Trần Thị Như	Ý	CCQ2112H	6.6	6.0	6.3	
226184	78	2121120260	Nguyễn Phương	Yên	CCQ2112H	6.9	7.5	7.3	
226184	79	2121120438	Đinh Hoàng	Yến	CCQ2112M	7.0	5.5	6.1	
226184	80	2121120265	Ngô Thị Hải	Yến	CCQ2112H	5.3	5.5	5.4	

Môn:
Khởi tạo doanh nghiệp; Lớp: CCQ2112KL

CBGD:
Hà Minh Phước

Nhóm:
07

Mã MH	STT	MSSV	Họ và tên		Lớp	QT (40%)	Thi (60%)	ĐTK	Ghi chú
226184	1	2119260162	Nguyễn Thị Thu	Anh	CCQ1926E	6.6	6.5	6.6	
226184	2	2121120369	Trần Đăng	Bảo	CCQ2112K	6.1	4.0	4.9	
226184	3	2121120372	Lộc Gia Tiểu	Bình	CCQ2112K	7.0	6.0	6.4	
226184	4	2121120098	Mai Thị Quỳnh	Chi	CCQ2112C	7.3	5.5	6.2	
226184	5	2121150056	Lê An	Cư	CCQ2112K				v
226184	6	2121120396	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	CCQ2112L	6.8	6.0	6.3	
226184	7	2121120406	Mai Thị Thùy	Dương	CCQ2112L	7.3	5.5	6.2	
226184	8	2121120355	Phạm Thị Trọng	Đạt	CCQ2112K	6.9	7.5	7.3	
226184	9	2121120359	Nguyễn Ngọc	Điền	CCQ2112K	7.4	5.0	6.0	

226184	10	2121120385	Lê Thị	Diệp	CCQ2112K	7.6	7.5	7.6	
226184	11	2121120180	Trần Đình	Đoán	CCQ2112F	7.1	7.0	7.1	
226184	12	2121120404	Nguyễn Xuân	Đồng	CCQ2112L	5.9	4.0	4.8	
226184	13	2121260082	Dương Thị Trúc	Giang	CCQ2126C	6.0	7.5	6.9	
226184	14	2121260080	Lê Thị	Hạnh	CCQ2126C	7.3	4.5	5.6	
226184	15	2121120357	Huỳnh Anh	Hào	CCQ2112K	7.8	7.5	7.6	
226184	16	2121120383	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	CCQ2112K	6.6	4.0	5.1	
226184	17	2121120382	Phạm Trung	Hậu	CCQ2112K	7.8	4.5	5.8	
226184	18	2121172007	Phan Công	Hiển	CCQ2112K	7.9	6.0	6.8	
226184	19	2121120172	Lê Trọng	Hiếu	CCQ2112E	7.0	7.0	7.0	
226184	20	2121120409	Nguyễn Thị	Hiếu	CCQ2112L	6.4	7.0	6.8	
226184	21	2121120400	Nguyễn Thị Ngọc	Hiếu	CCQ2112L	7.6	6.0	6.7	
226184	22	2121120354	Cao Văn	Hoàng	CCQ2112K				v
226184	23	2121120379	Ngô Thị Thu	Hồng	CCQ2112K	6.3	7.0	6.7	
226184	24	2121120560	Nguyễn Thị	Hồng	CCQ2112P				v
226184	25	2121120352	Nguyễn Quốc	Hùng	CCQ2112K	6.0	3.0	4.2	
226184	26	2121120413	Nguyễn Doãn Tuấn	Kiệt	CCQ2112L	7.0	8.0	7.6	
226184	27	2121260091	Đặng Nguyễn Khánh	Kiều	CCQ2126C	6.0	4.5	5.1	
226184	28	2121260078	Nguyễn Hoàng	Kim	CCQ2126C	5.8	6.5	6.2	
226184	29	2121120202	Lê Thị Tú	Liên	CCQ2112F	7.9	5.5	6.5	
226184	30	2121120410	Đặng Hữu	Linh	CCQ2112L	7.5	5.0	6.0	
226184	31	2121270076	Nguyễn Thị	Linh	CCQ2127C				v
226184	32	2121120109	Nguyễn Thị Thùy	Linh	CCQ2112D	7.3	4.5	5.6	
226184	33	2121120405	Nguyễn Thị Kim	Loan	CCQ2112L	7.4	6.5	6.9	
226184	34	2121200160	Nguyễn Duy Hồ Ngo	Long	CCQ2120E	6.3	4.5	5.2	
226184	35	2121120356	Nguyễn Minh Minh	Lý	CCQ2112K	7.4	8.5	8.1	
226184	36	2121260110	Bùi Thị Yến	Mi	CCQ2126D	6.1	6.0	6.1	
226184	37	2121120373	Dương Thị Kim	Ngân	CCQ2112K	5.4	5.0	5.2	
226184	38	2121120370	Lê Thị Thanh	Ngân	CCQ2112K	7.6	7.0	7.3	
226184	39	2121120407	Nguyễn Thị Kim	Ngân	CCQ2112L	6.4	5.5	5.9	
226184	40	2121120408	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	CCQ2112L	6.0	7.5	6.9	
226184	41	2121120365	Phan Thiên	Ngọc	CCQ2112K	7.5	5.5	6.3	
226184	42	2121120380	Phan Phú	Nhật	CCQ2112K	6.6	5.0	5.7	
226184	43	2121120378	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	CCQ2112K	7.8	5.5	6.4	
226184	44	2121120395	Phạm Hồ Thiên	Nhi	CCQ2112L				v
226184	45	2121120374	Võ Thị Quý	Nhi	CCQ2112K	6.9	5.5	6.1	
226184	46	2121120398	Phan Thị Hồng	Nhung	CCQ2112L	7.9	7.0	7.4	
226184	47	2121120392	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	CCQ2112L	5.9	6.0	6.0	
226184	48	2121270092	Trương Huỳnh	Như	CCQ2127C				v
226184	49	2119260026	Thạch Danh Mô	Ni	CCQ1926A	7.1	7.5	7.4	
226184	50	2121120388	Nguyễn Như Quỳnh	Nữ	CCQ2112L	8.0	6.5	7.1	
226184	51	2121120090	Nguyễn Thị Kim	Oanh	CCQ2112C	7.3	6.5	6.8	

226184	52	2121120418	Võ Thị Bích	Phận	CCQ2112L	6.6	8.0	7.5	
226184	53	2120200195	Phan Đạt	Phúc	CCQ2020F	6.6	5.0	5.7	
226184	54	2121120358	Nguyễn Hoàng	Phương	CCQ2112K	6.6	5.0	5.7	
226184	55	2121120361	Nguyễn Minh	Quân	CCQ2112K				v
226184	56	2121120399	Mạnh Vũ	Quốc	CCQ2112L	6.6	7.5	7.2	
226184	57	2121120414	Nguyễn Văn	Quý	CCQ2112L	7.6	6.5	7.0	
226184	58	2120120654	Trần Văn	Quý	CCQ2012F	7.4	7.0	7.2	
226184	59	2121120417	Trần Ngọc	Son	CCQ2112L	7.8	7.0	7.3	
226184	60	2121120377	Nguyễn Thanh	Tài	CCQ2112K	6.3	6.5	6.4	
226184	61	2121120646	Hoàng Anh	Tân	CCQ2112K	6.9	5.5	6.1	
226184	62	2121120367	Võ Tuấn	Thanh	CCQ2112K	7.8	4.5	5.8	
226184	63	2121120391	Trần Thị	Thảo	CCQ2112L	7.4	5.5	6.3	
226184	64	2121120362	Lê Thị	Thắm	CCQ2112K	7.5	6.5	6.9	
226184	65	2121120386	Bùi Đức	Thắng	CCQ2112L	6.0	5.0	5.4	
226184	66	2121120387	Nguyễn Văn	Thiên	CCQ2112L	6.6	4.5	5.4	
226184	67	2121120351	Võ Nguyễn Hồng	Thịnh	CCQ2112K	6.6	4.5	5.4	
226184	68	2121120381	Nguyễn Lê Minh	Thư	CCQ2112K	7.9	6.0	6.8	
226184	69	2121120389	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	CCQ2112L	8.0	8.5	8.3	
226184	70	2121120401	Nguyễn Thị Minh	Thư	CCQ2112L	7.6	5.5	6.4	
226184	71	2121200167	Phan Thị Anh	Thư	CCQ2120E	6.4	8.5	7.7	
226184	72	2121200161	Lê Ân	Thường	CCQ2120E	6.9	6.5	6.7	
226184	73	2121120243	Lương Văn	Tới	CCQ2112G	6.4	4.0	5.0	
226184	74	2121200214	Phạm Thị Tuyết	Trinh	CCQ2120E	6.4	7.5	7.1	
226184	75	2121120390	Đặng Lê Phương	Trúc	CCQ2112L	7.5	7.0	7.2	
226184	76	2121270051	Trần Ngọc	Trường	CCQ2127B	7.4	5.0	6.0	
226184	77	2121120412	Bùi Đặng Thanh	Vân	CCQ2112L	6.9	6.0	6.4	
226184	78	2121120403	Nguyễn Anh	Vũ	CCQ2112L	6.0	4.0	4.8	
226184	79	2121100011	Đào Phương	Vy	CCQ2120A	7.3	7.0	7.1	